

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HS-ST
Ngày: 23/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn An**

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Hiền** – Phó chủ tịch - Hội Cựu Chiến binh huyện Cai Lay.

Ông **Mai Huy Dân** – Phó Bí thư – Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Cai Lay.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Chiêm Hải An** - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Tiền** – Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2023, tại Tòa án Nhân dân huyện Cai Lay mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 12/2023/HSST ngày 28/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 vụ án được xét xử công khai đối với bị cáo:

Trần Văn N sinh ngày: 03/09/2006; sinh quán: tỉnh Tiền Giang; trú tại: khu phố B L, thị trấn B P, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 6/12; Cha: **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1982; Nghề nghiệp: công nhân; Mẹ: **Trần Thị T**, sinh năm 1987; Nghề nghiệp: công nhân; Anh, chị, em ruột: không; Vợ, con ruột: không; Bị cáo chưa có hoạt động gì về chính trị - xã hội;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

-Người bị hại: **Thái Thị V**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố B T, thị trấn B P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

-Người có quyền lợi liên quan: **Đặng Ngọc Hiếu Nh**, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp , xã T A, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố B L, thị trấn B P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

-Trợ giúp viên pháp lý của bị cáo: Ông **Phạm Văn Khiêm**, sinh năm 1965. (có mặt)

Là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn N bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Khoảng 21 giờ ngày 30/10/2022, N đi bộ trên đường đal Chợ cũ, từ khu phố B T, thị trấn B P, huyện C để đi ra hướng Quốc lộ 1. Khi đi qua Cầu Đò thuộc khu phố B T, thị trấn B P, huyện C, N nhìn thấy xe mô tô mang biển số 63B2-309.01, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX đang đỗ sát lề đường, không có người trông coi, chìa khoá đang cắm trên xe. Lúc này, N nảy sinh ý định trộm cắp xe, N lén lút đi đến xe mô tô biển số 63B2-309.01, mở khoá khởi động xe mô tô rồi N điều khiển xe ra Quốc lộ 1, về thành phố M T, tỉnh Tiền Giang. Sau đó, N bán xe mô tô biển số 63B2-309.01 cho anh Đặng Ngọc Hiếu Nh, sinh năm 1996, đăng ký thường trú ấp , xã T A, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang với giá 1.000.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá Nh hết. Ngày 22/11/2022 hành vi trộm cắp của N bị phát hiện và cùng ngày anh Nh nghi ngờ xe không hợp pháp nên tự nguyện giao nộp xe mô tô biển số 63B2-309.01 đến Công an thành phố Mỹ Tho.

Vật chứng thu giữ, gồm:

01 xe mô tô biển số 63B2-309.01, số khung 5229CY059982, số máy C53E-5390042, nhãn hiệu HONDA loại WAVE RSX.

Bản kết luận định giá số 37/KL-HĐĐGTS ngày 06/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cai Lậy kết luận: xe mô tô hiệu HONDA loại WAVE RSX, biển số 63B2-309.01, đã qua sử dụng (mua mới năm 2013), trị giá 6.500.000 đồng

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 63B2-309.01 do chị Thái Thị V, sinh năm 1972, đăng ký thường trú khu phố B T, thị trấn B P, huyện C, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả xe cho chị Thái Thị V.

Đối với Đặng Ngọc Hiếu Nh khi mua xe mô tô biển số 63B2-309.01 không biết việc bị cáo Trần Văn N trộm cắp tài sản mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Kết luận giám định pháp y tâm thần số 222/KL-VPYTTW ngày 04/4/2023 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hoà đối với Trần Văn N: Về y học: Trước, trong, sau

khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ (F70-ICD.10). Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án: Bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Hiện nay: Bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Văn N có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại thời điểm gây án bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSHCL ngày 28/4/2023 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Cai Lậy đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo N bồi thường và anh Đặng Ngọc Hiếu N không yêu cầu bị cáo N trả lại 1.000.000 đồng nên không xem xét.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã đưa ra những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm i, q, s khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt bị cáo Trần Văn N phạm tội “trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng đến 24 tháng.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày ý kiến: Thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và tình tiết giảm nhẹ áp dụng cho bị cáo. Bị cáo bị hạn chế về nhận thức, lúc phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, hoàn cảnh khó khăn, giá trị tài sản bị chiếm đoạt không lớn, đã được thu hồi trả cho bị hại và nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay sau khi nghe đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện Cai Lậy công bố cáo trạng truy tố. Bị cáo đã nhận tội, công nhận hành vi của bị cáo được nêu trong bản cáo trạng là hoàn toàn đúng. Bị cáo không có ý kiến gì.

[3] Bị cáo Trần Văn N bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Vào Khoảng 21 giờ ngày 30/10/2022, N đi bộ trên đường đal Chợ cũ, từ khu phố B T, thị trấn B P, huyện Cdđ đi ra hướng Quốc lộ 1 Khi đi qua Cầu Đò thuộc khu phố B T, thị trấn B P, huyện C, N nhìn thấy xe mô tô mang biển số 63B2-309.01, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX đang để sát lề đường, chìa khóa còn cắm trên xe, không có người trong coi. N đã có hành vi lén lút trộm cắp xe máy, khởi động và điều khiển xe chạy ra Quốc lộ 1, về thành phố Mỹ Tho và bán xe máy cho anh Đặng Ngọc Hiếu Nh với giá 1.000.000 đồng. Vào ngày 22/11/2022 hành vi trộm cắp của bị cáo Nhĩa bị phát hiện và cùng ngày anh Nh nghi ngờ xe không hợp pháp nên đã tự nguyện giao nộp xe mô tô biển số 63B2-309.01 đến Công an thành phố Mỹ Tho. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người chưa thành niên lại bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Tại thời điểm gây án, bị cáo có bệnh bị hạn chế năng lực nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, tuy nhiên, bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình gây ra. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu và bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn B P, huyện C, tỉnh Tiền Giang giáo dục trong thời gian thử thách.

[5] Đối với Đặng Ngọc Hiếu Nh khi mua xe mô tô biển số 63B2-309.01 không biết việc bị cáo Trần Văn N trộm cắp tài sản mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[6] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo N bồi thường và anh Đặng Ngọc Hiếu Nh không yêu cầu bị cáo N trả lại 1.000.000 đồng nên không xem xét.

[7] Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả xe cho chị Thái Thị V.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng là có cơ sở, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Bị cáo Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[10] Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội “trộm cắp tài sản”
2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, q, s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn B P, huyện C, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo Trần Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, trợ giúp viên pháp lý của bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn An

